TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2023.
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Be.
2. Ông Nguyễn Văn Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 460/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 2000; Địa chỉ cư trú: Tổ 20, khu phố LK, phường GL, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm 2000; Địa chỉ cư trú: Ấp GN, xã NĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16-11-2022, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé N trình bày: Chị và anh T tự nguyện chung sống vào năm 2021, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên cá độ đá banh, chơi game, lấy xe môtô của chị để thế chấp trả nợ; ngoài ra anh T và mẹ anh T còn lấy lại 02 chỉ vàng đã tặng chị trong ngày cưới. Tháng 11-2022 chị N đã làm đơn khởi kiện ra Toà án sau đó rút đơn khởi kiện cho anh T thêm cơ hội sửa đổi tính tình. Thời gian về chung sống không hoà hợp nên anh chị đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mặc dù bị đơn Dương Văn T đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa làm việc cũng không có văn bản ý kiến trình bày về vụ kiện.*

Tại phiên tòa chị Nga, anh T đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé N.

Cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bé N và anh Dương Văn T. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không đặt ra giải quyết.

Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Bé N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Dương Văn T, cư trú tại xã NĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. Do vậy vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp "*Ly hôn*" và Tòa án

nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị N có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vào tháng 01-2022. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo lời trình bày của chị N cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T đã rạn nứt, tháng 11-2022 chị N đã làm đơn khởi kiện đến Toà án yêu cầu được ly hôn với anh T sau đó đã rút đơn khởi kiện, nay chị lại tiếp tục khởi kiện ly hôn anh T trong vụ án này; do chung sống không hoà hợp nên anh T, chị N đã có thời gian sống ly thân cách đây khoảng 6 tháng. Xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản ý kiến trình bày, không đến Tòa làm việc cho thấy anh T không có biểu hiện, động thái tích cực nào và thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, thuyết phục chị N hàn gắn đoàn tụ mối quan hệ vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị N và anh T không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị N đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung, nợ chung: Chị N trình bày không có. Chị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Ngoài ra, anh T không có văn bản ý kiến trình bày về con chung, tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé N về việc "Ly hôn" đối với anh Dương Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Bé N và anh Dương Văn T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018017 ngày 29-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị N đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- UBND xã Ninh Điền, H.Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Thị Liên